

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Sinh dược học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN XUÂN THÀNH

2. Ngày tháng năm sinh: 09/8/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hương Gián, Yên Dũng, Bắc Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 08, Hẻm 250/82/6, Ngách 250/82, Đường Phan Trọng Tuệ, Thanh Trì, Hà Nội (Tập Thể Sơn, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội).

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Xuân Thành, Viện Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Số 32 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại di động: 0912478845; E-mail: nguyensexuanthanh@hpu2.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2001 đến năm 2018: Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Từ năm 2018 đến nay: Giảng viên chính Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Từ năm 2014 đến năm 2018: Tổ trưởng tổ Động vật khoa Sinh-KTNN, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Từ năm 2015 đến năm 2016: Phó Giám đốc (phụ trách) và Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ NCKH&CGCN, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Từ năm 2016 đến nay: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Chức vụ hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Địa chỉ cơ quan: Số 32 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại cơ quan: 02113863416

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 2000, ngành: Sinh - Hóa.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 3 năm 2006, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm (Sinh lý người và động vật).

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày.... tháng 12 năm 2014, ngành: Kỹ thuật, chuyên ngành: Kỹ thuật Sinh dược học.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Huazhong, Trung Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng..... năm..., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành: Không.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Thiết kế chế tạo hệ chất mang và phân phối thuốc hoặc các hoạt chất chức năng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 08 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài KH&CN cấp Cơ sở và 01 đề tài KH&CN cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo KH, trong đó 06 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 08, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 06 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở (2009-2010 và các năm từ 2014-2015 đến nay); 01 lần đạt Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (2018-2019); 02 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Nhà giáo là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường nên cần phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định. Tôi luôn phấn đấu để đảm bảo có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp. Tôi luôn gương mẫu thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo: Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục; Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học; Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian giảng dạy đại học và sau đại học, tôi luôn ý thức rằng: giảng viên là người không những chỉ biết cách truyền đạt kiến thức cho người học một cách hiệu quả và có khoa học nhất, mà còn phải biết cách truyền cho người học cái tâm là người tốt, cảm hứng sâu sắc trong việc học, và làm cho người học hiểu rằng sự nỗ lực học tập của từng người hôm nay sẽ là thành quả cho tương lai của họ. Tôi cũng tâm niệm rằng nghề nhà giáo là nghề tạo ra viễn cảnh tương lai cho đất nước. Nếu mình đào tạo ra những người giỏi, có tâm và có tầm nhìn xa, thì sau này, đất nước sẽ được xây dựng và hình thành trên những con người có tâm và có tầm nhìn rộng, biết hoạch định những chiến lược sáng suốt trong việc xây dựng nước nhà. Đặc biệt, tôi phải là một giảng viên gương mẫu trong giảng dạy, trong nghiên cứu khoa học, trong cách cư xử, và trong nhân cách thì mình mới có thể đào tạo ra đội ngũ giáo viên tương lai có nhân cách và gương mẫu trong hoạt động giáo dục.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015				05	192	90	282/422/224
2	2015-2016			03	05	246	135	381/586/68
3	2016-2017			03	05	268	135	403/631/68
3 năm học cuối								
4	2017-2018			02	05	222	135	357/686/68
5	2018-2019				06	135	135	270/485/68
6	2019-2020				05	225	45	270/382/68

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Trung Quốc năm 2014 (Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng để học tập NCS và bảo vệ luận án tiến sĩ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh; Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Sinh học.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Sinh-KTNN, Trường ĐHTSP Hà Nội 2.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hoàng Phúc Ngân		x	x		02/2016-12/2016	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2017
2	Đoàn Thị Yến		x	x		02/2016-12/2016	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2017
3	Nguyễn Việt Hồng		x	x		02/2016-12/2016	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2017
4	Phạm Thị Lan Hương		x	x		12/2016-11/2017	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2017
5	Nguyễn Thị Kim Liên		x	x		12/2016-11/2017	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2017
6	Lê Thị Thu Giang		x	x		12/2016-11/2017	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2017
7	Nguyễn Hải Yến		x	x		02/2018-12/2018	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2019
8	Nguyễn Thị Bồi		x	x		02/2018-12/2018	Trường ĐHSP Hà Nội 2	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

- Trước khi bảo vệ luận án TS

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên (x)	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Thiết kế bài giảng Sinh học 11 - Nâng cao	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2007	08		Đĩa CD kèm sách (minh họa các nội dung sách)	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019
2	Thiết kế bài giảng Sinh học 12	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2009	06		Đĩa CD kèm sách (minh họa các nội dung sách)	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019
3	Thiết kế bài giảng Sinh học 10	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010	06		Đĩa CD kèm sách (minh họa các nội dung sách)	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019

- Sau khi bảo vệ luận án TS (Bảo vệ thành công luận án TS vào ngày 27/6/2014)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên (x)	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Giáo trình Sinh lý học người và động vật	GT	NXB Đại học Sư phạm, 2016	02	x	1-157, 236-424	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019
2	Giáo trình Sinh lý học trẻ em lứa tuổi mầm non và tiểu học	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	01	x	Viết một mình	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019
3	Textbook of Human and Animal Physiology	GT	Hanoi Pedagogical University 2 (For internal use only), 2017	01	x	Viết một mình	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019
4	Textbook of English for Technological Students	GT	Hanoi Pedagogical University 2 (For internal use only), 2018	02	x (Đồng chủ biên)	113-213	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019
5	Textbook of a course for English Language Use in Biology Class	GT	Hanoi Pedagogical University 2 (For internal use only), 2018	04		24-28, 31-37, 53-56, 58-68, 72-111	Số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019

Sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: Không.

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang ... đến trang ... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

- Trước khi bảo vệ luận án TS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT,...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
----	---	-----------	----------------------	---------------------	---

1	Nghiên cứu mối quan hệ giữa một số chỉ số sinh học với năng lực trí tuệ của sinh viên một số ngành học Trường ĐHSP Hà Nội 2	CN	C.06.08, Trường ĐHSP Hà Nội 2	2006-2007	15/01/2007; xếp loại: Tốt
---	---	----	----------------------------------	-----------	---------------------------

- Sau khi bảo vệ luận án TS (Bảo vệ thành công luận án TS vào ngày 27/6/2014)

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng và quản lý thư viện tư liệu hình ảnh phục vụ dạy - học môn Sinh lý người và động vật	CN	C.2015-18-11; Trường ĐHSP Hà Nội 2 (Đề tài KHCN ưu tiên thực hiện)	2015-2016	23/8/2016; xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu khả năng vận tải và phân phối curcumin của mạng lưới cấu trúc 3D-nano-cellulose định hướng sử dụng sản xuất hệ trị liệu phóng thích curcumin kéo dài	CN	B.2017-SP2-09; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017-2019	14/5/2019; xếp loại: Xuất sắc

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

- Trước khi bảo vệ luận án TS

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính (x)	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Nano-cellulose 3D-networks as controlled-release drug carriers	06		Journal of Materials Chemistry B (Materials for biology and medicine)/ 2050-	SCI; IF = 5,030 (2014)	90	1, 2976-2984	2013

				750X				
--	--	--	--	------	--	--	--	--

- Sau khi bảo vệ luận án TS (Bảo vệ thành công luận án TS vào ngày 27/6/2014)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính (x)	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Chitosan-coated nano-liposomes for the oral delivery of berberine hydrochloride	06	x	Journal of Materials Chemistry B (Materials for biology and medicine)/ 2050-750X	SCI; IF = 5,030 (2014)	40	2, 7149-7159	2014
2	Recent advances in liposome surface modification for oral drug delivery	05	x	Nanomedicine/1743-5889	SCIE; IF = 5,095 (2016)	85	11, 9, 1169-1185	2016
3	Fabrication, evaluation of drug loading capability and characterization of 3D-nano-cellulose network materials produced by bacteria of fermented aqueous green tea extract in selected culture media	03	x	International Journal of Applied Pharmaceutics/0975-7058	Scopus (Q3)	0	12, 1, 96-101	2020
4	Preparation of oral curcumin delivery from 3D-nano-cellulose networks material produced by <i>Acetobacter xylinum</i> using optimization technique	04	x	International Journal of Applied Pharmaceutics/0975-7058	Scopus (Q3)	0	12, 2, 47-52	2020
5	Development and evaluation of oral sustained-release ranitidine delivery	03	x	International Journal of Applied Pharmaceutics/0975-7058	Scopus (Q3)	0	12, 3, 48-55	2020

	system based on bacterial nanocellulose material produced by <i>Komagataeibacter xylinus</i>						
6	Đánh giá sinh khả dụng <i>in vivo</i> của famotidine từ vật liệu mạng lưới 3D-nano-cellulose nạp famotidine được tạo ra từ <i>Acetobacter xylinum</i> trong một số môi trường nuôi cấy	01	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Y Dược/2615-9309			34, 2, 19-25 2018
7	Nghiên cứu một số đặc tính của mạng lưới 3D-nano-cellulose nạp curcumin được sản xuất từ vi khuẩn <i>Acetobacter xylinum</i>	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			184, 08, 83-88 2018
8	Đánh giá sự giải phóng curcumin của vật liệu cellulose vi khuẩn nạp curcumin định hướng dùng qua đường uống	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			184, 08, 17-21 2018
9	Đánh giá sự hấp thụ famotidine của cellulose được tạo ra từ <i>Acetobacter xylinum</i> trong một số môi trường nuôi cấy	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			180, 04, 199-204 2018
10	Nghiên cứu sự hấp thụ thuốc Cimetidine của màng Bacterial cellulose lên men từ vi khuẩn	02		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2/1859-2325			56, 39-46 2018

	<i>Acetobacter xylinum</i> trong môi trường chuẩn						
11	Chế tạo màng bọc thực phẩm đa năng thay thế túi nilon từ vật liệu 3D-nano-cellulose và berberin	04	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			197, 04, 45-51 2019
12	Nghiên cứu một số đặc tính của màng 3D-nano-cellulose hấp phụ berberin định hướng dùng bọc thực phẩm tươi sống	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			202, 09, 45-52 2019
13	Phát triển và thẩm định phương pháp phân tích định lượng curcumin trong huyết tương thỏ	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			202, 09, 121-127 2019
14	Nghiên cứu sinh khả dụng <i>in vivo</i> của chế phẩm M3NC-MTC-CUR dùng cho đường uống hoặc qua da	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Khoa học Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Y dược) - Đại học Thái Nguyên/1859-2171			207, 14, 11-17 2019
15	Nghiên cứu sự giải phóng famotidine của mạng lưới 3D-nano-cellulose nạp famotidine định hướng dùng qua đường uống	01	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Công nghệ Sinh học toàn quốc 2018, Nxb KHTN&CN, Hà Nội/9786049136955			500-505 2018
16	Bào chế và đánh giá sự giải phóng cimetidine <i>in vitro</i> của vật liệu cellulose vi khuẩn nạp thuốc được tạo ra từ <i>Acetobacter</i>	01	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 3 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Nxb KHTN&CN, Hà Nội/9786049136955			789-796 2018

	<i>xylinum</i> định hướng dùng cho đường uống						
17	Nghiên cứu hệ trị liệu qua da chứa curcumin từ vật liệu cellulose được sản xuất từ vi khuẩn trong dịch trà xanh lên men	02		Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 3 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Nxb KHTN&CN, Hà Nội/9786049136955			1018-1026 2018
18	Chế tạo và nghiên cứu khả năng giải phóng thuốc của vật liệu cellulose-neomycin nhằm tạo hệ trị liệu dùng qua da	02		Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 3 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Nxb KHTN&CN, Hà Nội/9786049136955			815-822 2018
19	Khả năng hấp thụ thuốc berberin của một số màng bacterial cellulose lên men từ vi khuẩn <i>Acetobacter xylinum</i>	02		Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 3 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Nxb KHTN&CN, Hà Nội/9786049136955			907-914 2018

Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của Trường ĐHSP Hà Nội 2: 01 chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Sinh học; 01 chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Công nghệ; 01 chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Tự nhiên; 03 chương trình đào tạo cao học gồm chuyên ngành Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành Động vật học, chuyên ngành Sinh thái học (Giấy xác nhận tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của CS GDĐH, số: 543/GXN-ĐHSPHN2, ngày 14/6/2019).

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không.

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không.

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

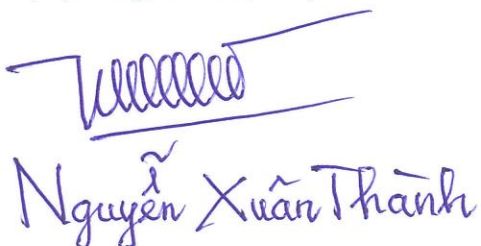
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Xuân Thành